TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

2/ Ông **Châu Ngọc Thạch**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2018 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương A** - Sinh năm: 1982
Địa chỉ: thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh T** - Sinh năm: 1975
Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018, bản tự khai ngày 01/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 15/01/2013.

Quá trình chung sống: Trong thời gian chung sống, giữa chị A và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu bia rồi gây sự chửi mắng, xúc phạm chị A và gia đình chị. Chị A đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị A và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn

gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị A yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Lê Minh Thái D sinh ngày 26/12/2014. Hiện nay, cháu D đang sống cùng chị A; chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 18/6/2018, bị đơn Lê Minh T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Anh T cho rằng chị Nguyễn Thị Phương A ngoại tình, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 11/5/2018, chị Nguyễn Thị Phương A có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Minh T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 01/2013 ngày 15/01/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị A và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu bia rồi gây sự chửi mắng, xúc phạm chị A và gia đình chị. Anh T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh phát hiện chị A ngoại tình. Anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương A.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị A và anh T có 01 con chung chưa thành niên là cháu Lê Minh Thái D sinh ngày 26/12/2014. Hội đồng xét

xử xét thấy, hiện nay cháu D đang sống với chị A, chị A có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của cháu Dương nên chấp nhận yêu cầu của chị A, tiếp tục giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Lê Minh Thái D sinh ngày 26/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Phương A được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương A không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004286 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Nguyễn Thị Phương A đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm